

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KHU VỰC 11 Độc lập-Tự do-Hạnh phúc
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bản án số: 14/2025/HNST

Ngày: 22/8/2025

V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Thế Dũng

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Song Hoàn

Ông Nguyễn Văn Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện VKSND Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Lương Ngọc T - Kiểm sát viên.

Ngày 22/8/2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐSTXX-HNGĐ ngày 01 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/QĐ-HPT ngày 11/8/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Lưu Tường V, sinh ngày 23/02/1992, CCCD số 077192007846 cấp ngày 02/7/2021 (Có mặt).

Hộ khẩu thường trú số D, Đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện nay số E, đường H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Trịnh Xuân H, sinh ngày 09/6/1989, CCCD số 030089025049 cấp ngày 02/7/2021 (Vắng mặt).

Nơi ở hiện nay số A50, số D, Đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn bà Nguyễn Lưu Tường V trình bày:* Tôi và ông Trịnh Xuân H có thời gian tìm hiểu khoảng 6 tháng thì tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2018 tại UBND phường G, thành phố V (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Sau kết hôn, vợ chồng thuê nhà trọ chung sống tại Phường G, thành phố V. Khoảng tháng 9/2018, với sự hỗ trợ kinh tế của bố mẹ bà, vợ chồng bà mua và chuyển đến chung cư sinh sống. Đến năm 2021, vợ chồng bà chuyển về nhà công vụ tại A50, số D, Đường C, Phường I, thành phố V sinh sống đến nay. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Khi bà sinh con, mẹ chồng bà vào hỗ trợ, quá trình

chung sống vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Đến năm 2022, vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân từ kinh tế: Vợ chồng bán căn chung cư lấy tiền cho ông H làm ăn. Sau khi bán chung cư, bà giữ ½ tổng số tiền để chi tiêu, ông H lấy ½ tổng số tiền đầu tư nhưng không hiệu quả dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi vã, mặc dù sống chung một nhà nhưng mạnh ai nấy sống. Do vợ chồng không hạnh phúc, tháng 10/2023, bà và con dọn về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Khoảng tháng 3/2024, bà nộp đơn ly hôn sau đó rút đơn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh Xuân H.

- Về con chung: Bà và ông H có 01 con chung tên Trịnh Phương N, sinh ngày 26/02/2019. Ly hôn, bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung vì ông H sống một mình, khi đi làm, đi công tác đột xuất, không ai phụ giúp, do vậy, ông H lại phải gửi cháu về quê cho ông bà nội chăm sẽ dẫn đến thay đổi môi trường sống, học tập của cháu. Bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Trịnh Xuân H trình bày: Về thời gian, địa điểm kết hôn; Về quá trình chung sống; Về con chung bà V trình bày nêu trên là đúng. Ông cho rằng, cuộc sống vợ chồng gia đình nào cũng có mâu thuẫn. Vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn từ hai phía, ông không muốn trình bày nhiều, ông vẫn còn yêu thương vợ, mong muốn con có đầy đủ bố mẹ nên không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Ông và bà V có 01 con chung tên Trịnh Phương N, sinh ngày 26/02/2019. Ly hôn, ông yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung. Thời gian gần đây, ông thường xuyên qua chăm sóc con và cũng để hàn gắn tình cảm nhưng và V tỏ ra khó chịu; bà V thường xuyên cho cháu về nhà ông bà ngoại ăn uống sinh hoạt nên để đảm bảo nơi ăn chốn ở, ăn uống, sinh hoạt của con ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu bà V cấp dưỡng. Thu nhập của ông 17.000.000đồng/tháng, ngoài ra còn tiền thưởng đủ kinh tế nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Tại phiên tòa:

Nguyên đơn cương quyết yêu cầu ly hôn vì tình cảm không còn; Bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Tài sản chung, nợ chung không yêu Tòa án giải quyết.

4. Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

- Về trình tự thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời thừa nhận của các đương sự trong quá trình tố tụng và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa

có cơ sở xác định, mâu thuẫn giữa vợ chồng bà V và ông H là có thật, vợ chồng đã ly thân sống mỗi người một nơi từ tháng 10/2023 đến nay, mục đích hôn nhân không đạt nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà V; Về con chung, cả bà V và ông H đều yêu cầu trực tiếp nuôi con. Tuy nhiên, từ khi ly thân đến nay, cháu N ở với mẹ và được sự hỗ trợ của ông bà ngoại, để ổn định sự phát triển của trẻ nhỏ đề nghị Hội đồng xét xử giao con cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, bà V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Lưu Tường V và ông Trịnh Xuân H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh). Nay bà V có đơn yêu cầu ly hôn với ông H nên xác định đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn”. Ông H và bà V đều cư trú, sinh sống tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH 15 ngày 27/6/2025.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự: Tòa án đã triệu tập hợp lệ hai lần nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét nội dung các yêu cầu của nguyên đơn:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà V và ông H tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn, được G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (Nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh) được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 15, ngày 24/01/2018 nên hôn nhân là hợp pháp.

Quá trình tố tụng, ông H cho rằng vẫn còn yêu vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Mặc dù, thời gian gần đây ông thường xuyên đến thăm con và mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng bà V không đồng ý. Tại phiên tòa, ông H vắng mặt; Bà V xác nhận quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng phát sinh từ kinh tế, từ suy nghĩ đến quan điểm sống, lối sống không thể hoà hợp dẫn đến ly thân mỗi người sống một nơi thời gian dài, tình cảm vợ chồng phai nhạt không thể hàn gắn được nên cương quyết yêu cầu ly hôn.

Theo xác nhận của địa phương, quá trình chung sống vợ chồng bà V, ông H có xảy ra mâu thuẫn không rõ nguyên nhân, tổ dân phố đã khuyên nhủ nhưng không thành. Hiện nay một mình ông H sinh sống tại địa chỉ số A, số D, Đường C, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Từ tháng 10/2024 đến nay hiếm thấy bà V về tại địa chỉ này.

Hội đồng xét xử xét, tình trạng mâu thuẫn bà V và ông H là có thật dẫn đến vợ chồng ly thân mỗi người sống một nơi từ tháng 10/2024 đến nay, không quan tâm đến nhau. Tại phiên toà, bà V xác nhận không còn tình cảm, không còn niềm tin đối với ông H nên cương quyết yêu cầu ly hôn. Từ đó có cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của bà V, ông H không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên Hội đồng chấp nhận yêu cầu của bà V về việc được ly hôn với ông H theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Bà V và ông H có 01 con chung tên là Trịnh Phương N, sinh ngày 26/02/2019. Ly hôn, bà V và ông H đều có yêu cầu trực tiếp nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông H cho rằng, bà V trực tiếp nuôi con thường ăn uống, sinh hoạt ở nhà ông bà ngoại sẽ không đảm bảo sức khỏe, giờ giấc cho cháu N. Bà V cho rằng, ông H làm cả ngày, có lúc đi công tác xa nếu giao cho ông H thì ông H lại gửi con về Bắc cho ông bà nội chăm sóc dẫn đến xáo trộn tâm sinh lý của trẻ nhỏ, Hội đồng xét xử xét, cháu N là con gái, sống với mẹ từ khi ly thân đến nay, bà V làm hành chính có những lúc bận rộn không chăm sóc, đưa đón con được thì có ông bà ngoại sống gần hỗ trợ trong sinh hoạt hàng ngày là một trong những điều kiện thuận lợi. Mặt khác, từ khi ly thân đến nay, cháu N ở với bà V về sức khỏe, học tập và tâm sinh lý của cháu vẫn phát triển ổn định. Ngược lại, nếu giao con chung cho ông H trực tiếp nuôi dưỡng thì những lúc đi công tác xa, công việc đột xuất làm về muộn, ông H không có người thân ở gần để gửi gắm, giúp đỡ nên sẽ gặp khó khăn trong việc chăm sóc hoặc đưa đón con đi học. Do đó, Hội đồng xét xử giao con chung Trịnh Phương N cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà V không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì lợi ích của con, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà V phải nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, 3 Điều 36; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH 15 ngày 27/6/2025

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83, 84, 117, 118 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Tuyên xử:

[1]. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Lưu Tường V được ly hôn với ông Trịnh Xuân H.

[2]. Về con chung: Bà V và ông H có 01 con chung tên là Trịnh Phương N, sinh ngày 26/02/2019. Hội đồng xét xử giao cháu N cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; Ông H không cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, trên cơ sở yêu cầu của một hoặc các bên đương sự hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức theo qui định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo qui định của pháp luật.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà V phải nộp 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí được bà V đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002699 ngày 13/02/2025 của Chi cục Thi hành án thành phố Vũng Tàu (Nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 11, Thành phố Hồ Chí Minh).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết công khai) yêu cầu tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án Khu vực 11, TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Tam Thắng, TP. Hồ Chí Minh
- (cũ UBND Phường 7, TP. Vũng Tàu, tỉnh BR-VT);

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./

Đoàn Thế Dũng